

# CHÍNH SÁCH VỀ TẠO LẬP, QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG DỮ LIỆU TRONG BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN CHÍNH PHỦ SỐ Ở VIỆT NAM

Nguyễn Văn Báu<sup>(1)</sup>

(1) Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (VNU – HCM)

Ngày nhận bài 26/6/2025; Chấp nhận đăng 30/7/2025

Liên hệ email: bauussh@gmail.com

## Tóm tắt

Dữ liệu số không chỉ là phương tiện truyền tải thông tin, mà còn là công cụ thiết yếu trong hoạt động quản lý nhà nước, hỗ trợ ra quyết định và nâng cao chất lượng dịch vụ công. Chính vì vậy, việc xây dựng hệ thống chính sách pháp luật về tạo lập, quản lý, chia sẻ và lưu trữ dữ liệu số được xác định là nhiệm vụ trọng tâm trong quá trình phát triển chính phủ số ở Việt Nam. Bài viết tập trung phân tích, hệ thống hóa các chính sách, quy định pháp luật hiện hành liên quan đến dữ liệu số. Bài viết sử dụng phương pháp phân tích văn bản pháp luật và phương pháp hệ thống hóa tài liệu nhằm làm rõ khái niệm, đặc điểm và chức năng của dữ liệu số, từ đó đánh giá thực trạng pháp lý, xác định khoảng trống chính sách và đề xuất các kiến nghị hoàn thiện. Dữ liệu số được xác định bao gồm nhiều loại hình như văn bản, hình ảnh, âm thanh, video... được biểu diễn bằng tín hiệu số với đặc điểm dễ lưu trữ, dễ chỉnh sửa và truyền tải nhanh chóng. Việc quản lý dữ liệu số đòi hỏi cơ chế kiểm soát chặt chẽ về mặt kỹ thuật, nghiệp vụ và pháp lý. Từ những phân tích, bài viết kiến nghị một số định hướng chính sách, bao gồm: hoàn thiện khái niệm và phân loại dữ liệu số trong pháp luật; xây dựng cơ chế quản lý tập trung, liên thông giữa các cơ quan; tăng cường năng lực lưu trữ và bảo vệ dữ liệu; và quan trọng hơn, cần đề cao vai trò của người dân như một chủ thể tích cực trong hệ sinh thái dữ liệu số. Những đề xuất này nhằm góp phần nâng cao hiệu quả quản lý dữ liệu, thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện và xây dựng chính phủ số lấy người dân làm trung tâm.

**Từ khóa:** chính phủ số, dữ liệu, quản lý, sử dụng

## Abstract

### **POLICY ON DATA CREATION, MANAGEMENT, AND USE IN THE CONTEXT OF DIGITAL GOVERNMENT DEVELOPMENT IN VIETNAM**

Digital data is not only a medium for conveying information but also a crucial tool for state governance, decision-making support, and enhancing the quality of public services. Therefore, the establishment of a legal and policy framework for the creation, management, sharing, and preservation of digital data has been identified as a core task in the process of developing a digital government in Vietnam. This article focuses on analyzing and systematizing current policies and legal regulations related to digital data. It employs legal document analysis and literature systematization methods to clarify the concept, characteristics, and functions of digital data, thereby assessing the legal status quo, identifying policy gaps, and proposing recommendations for improvement. Digital data is defined to include various forms such as text, images, audio, and video, represented

*by digital signals with features such as easy storage, editable formats, and rapid transmission. The management of digital data requires rigorous control mechanisms in technical, operational, and legal aspects. Based on the analysis, the article proposes several policy orientations, including: refining the legal definitions and classifications of digital data; establishing a centralized and interoperable management mechanism across government agencies; strengthening data storage and protection capabilities; and, importantly, promoting the role of citizens as active stakeholders in the digital data ecosystem. These recommendations aim to enhance the effectiveness of data governance, foster comprehensive digital transformation, and build a citizen-centric digital government.*

## 1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ số, việc xây dựng chính phủ số đang trở thành xu hướng tất yếu tại nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam. Chính phủ số không chỉ là sự chuyển đổi về mặt kỹ thuật, mà còn là quá trình tái cấu trúc lại các hoạt động quản trị nhà nước theo hướng số hóa, nhằm nâng cao hiệu quả, minh bạch và khả năng phục vụ người dân. Trên hành trình đó, dữ liệu số đóng vai trò then chốt, được xem như "nguồn tài nguyên mới", là nền tảng vận hành và phát triển của chính phủ số, doanh nghiệp số, xã hội số và công dân số. Không chỉ là phương tiện để truyền tải thông tin, dữ liệu số còn là yếu tố thiết yếu trong việc tổ chức, quản lý, ra quyết định và cung cấp dịch vụ công.

Tại Việt Nam, trong hơn một thập niên trở lại đây, Đảng, Quốc hội và Chính phủ đã ban hành nhiều văn bản pháp luật, chính sách thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia. Các quy định pháp lý như Luật Giao dịch điện tử, Luật Dữ liệu, Luật Lưu trữ, Nghị định số 47/2020/NĐ-CP và nhiều văn bản hướng dẫn khác đã định hình hành lang pháp lý cho việc tạo lập, quản lý, chia sẻ và lưu trữ dữ liệu số trong hệ thống hành chính nhà nước. Trong đó, dữ liệu số không chỉ được công nhận giá trị pháp lý tương đương với bản gốc truyền thống, mà còn được quy định cụ thể về cách thức thu thập, bảo quản, khai thác và chia sẻ giữa các cơ quan, tổ chức và cá nhân.

Tuy nhiên, trong quá trình hiện thực hóa các mục tiêu xây dựng chính phủ số, vẫn còn tồn tại không ít thách thức. Đó là sự thiếu nhất quán trong định nghĩa và phạm vi của "dữ liệu số" giữa các văn bản pháp luật, sự phân tán trong tổ chức quản lý, sự chưa rõ ràng về trách nhiệm giữa các cơ quan nhà nước, cùng với những bất cập trong quy định kỹ thuật và nghiệp vụ lưu trữ. Bên cạnh đó, vai trò của người dân trong quá trình xây dựng và khai thác dữ liệu số phục vụ chính phủ số vẫn chưa được xác định đầy đủ và cụ thể.

Chính trong bối cảnh ấy, việc nghiên cứu một cách hệ thống, toàn diện các quy định pháp luật hiện hành về dữ liệu số và vai trò của người dân trong hệ sinh thái chính phủ số có ý nghĩa lý luận và thực tiễn to lớn. Nó không chỉ giúp làm rõ những khái niệm và nguyên lý cốt lõi về quản lý và lưu trữ dữ liệu số, mà còn góp phần đánh giá hiệu quả chính sách, nhận diện khoảng trống pháp lý và đề xuất các giải pháp khả thi nhằm hoàn thiện thể chế và tăng cường sự tham gia của người dân vào tiến trình chuyển đổi số quốc gia.

Bài viết này tập trung phân tích, hệ thống hóa phân tích các quy định pháp luật liên quan đến tạo lập, quản lý, chia sẻ và lưu trữ dữ liệu số trong bối cảnh phát triển chính phủ số ở Việt Nam. Qua đó, đề xuất một số kiến nghị mang tính định hướng nhằm góp phần nâng cao hiệu quả quản lý dữ liệu số, thúc đẩy sự tham gia của công dân và hỗ trợ quá trình xây dựng một chính phủ số hiện đại, hiệu quả và lấy người dân làm trung tâm.

## 2. Tổng quan tài liệu nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu

### 2.1. Tài liệu nghiên cứu

Bài viết trình bày hệ thống chính sách pháp luật hiện hành của Việt Nam có liên quan đến dữ liệu số, bao gồm Luật Công nghệ thông tin số 67/2006/QH11, ngày 29/6/2006 (Luật Công nghệ thông tin); Luật Giao dịch điện tử số 20/2023/QH15, ngày 22/6/2023 (Luật Giao dịch điện tử); Luật Dữ liệu số 60/2024/QH15, ngày 30/11/2024 (Luật Dữ liệu); Luật Lưu trữ số 33/2024/QH15, ngày 21/6/2024 (Luật Lưu trữ); Luật Tố tụng hình sự số: 101/2015/QH13, ngày 27/11/2015 (Luật Tố tụng hình sự); Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 về việc quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước (Nghị định 47/2020/NĐ-CP) và một số văn bản hướng dẫn khác. Các quy định này không chỉ xác định giá trị pháp lý của dữ liệu số mà còn nêu rõ nguyên tắc, quy trình, yêu cầu và trách nhiệm trong việc tạo lập, thu thập, lưu trữ và chia sẻ dữ liệu số trong khu vực công. Đáng chú ý, Luật Dữ liệu và Nghị định 47/2020/NĐ-CP đã quy định nguyên tắc “không thu thập lại dữ liệu đã có”, nhằm giảm trùng lặp, tiết kiệm nguồn lực và nâng cao hiệu quả khai thác dữ liệu.

Việc khai thác dữ liệu được thực hiện thông qua các nền tảng như Cổng dữ liệu quốc gia, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, nền tảng định danh và xác thực điện tử, các thiết bị và phần mềm chuyên dụng do nhà nước cung cấp. Đồng thời, các cơ quan nhà nước có trách nhiệm lưu lại lịch sử chia sẻ dữ liệu nhằm phục vụ công tác giám sát, đánh giá và xử lý vướng mắc trong quá trình khai thác. Bài viết là một công trình nghiên cứu có tính tổng hợp cao, cung cấp một cái nhìn toàn diện về chính sách, quy trình và yêu cầu đối với việc tạo lập, quản lý và sử dụng dữ liệu số trong tiến trình xây dựng chính phủ số ở Việt Nam. Thông qua việc phân tích hệ thống pháp luật hiện hành, tài liệu khẳng định vai trò trung tâm của dữ liệu số trong quản trị hiện đại, từ đó góp phần tạo nền tảng lý luận và thực tiễn quan trọng cho các nghiên cứu tiếp theo về sự tham gia của người dân trong chính phủ số, đặc biệt trong mối quan hệ giữa dữ liệu số, dịch vụ công và cải cách hành chính.

### 2.2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính, phân tích hệ thống văn bản pháp luật có liên quan đến dữ liệu số. Tác giả đã vận dụng cách tiếp cận pháp lý, hành chính để phân tích nội dung các văn bản luật, nghị định và thông tư trong lĩnh vực dữ liệu, lưu trữ, giao dịch điện tử và chuyển đổi số, từ đó làm rõ cơ sở pháp lý và các nguyên tắc quản lý dữ liệu trong tiến trình xây dựng Chính phủ số tại Việt Nam.

Phương pháp nghiên cứu được thể hiện rõ qua việc tài liệu tổng hợp và hệ thống hóa nội dung của các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, bao gồm: Luật Giao dịch điện tử, Luật Dữ liệu, Luật Lưu trữ, Nghị định 47/2020/NĐ-CP và các văn bản liên quan khác. Từ các văn bản này, tác giả tiến hành phân tích, đối chiếu, so sánh nội dung khái niệm, phạm vi áp dụng và cách thức tổ chức quản lý dữ liệu số trong thực tiễn.

Nghiên cứu sử dụng phương pháp diễn giải nhằm làm rõ các khái niệm như “dữ liệu số”, “dữ liệu điện tử”, “cơ sở dữ liệu”, “thông điệp dữ liệu” từ các văn bản luật khác nhau. Bằng cách đối chiếu cách định nghĩa giữa Luật Giao dịch điện tử, Nghị định số 47/2020/NĐ-CP và Luật Tố tụng hình sự, từ đó đưa ra nhận định có tính phân biệt và kiến nghị về sự cần thiết của việc thống nhất định nghĩa pháp lý trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

Phương pháp nghiên cứu trong bài viết này là sự kết hợp giữa phân tích, tổng hợp chính sách và diễn giải nội dung pháp lý, qua đó cung cấp cái nhìn toàn diện và thực tiễn về vai trò của dữ liệu trong quản trị số. Đây là cách tiếp cận phù hợp với các nghiên cứu về chính phủ số, góp phần làm rõ cơ sở pháp lý và quản trị đối với việc sử dụng dữ liệu trong cơ quan nhà nước cũng như trong quan hệ giữa nhà nước với công dân và doanh nghiệp.

### 3. Chính sách tạo lập, quản lý và sử dụng dữ liệu số

#### 3.1. “Dữ liệu số” và đặc điểm của dữ liệu số

Dữ liệu số được hiểu là dữ liệu được biểu diễn bằng các con số, thường trong hệ nhị phân, và được lưu trữ và xử lý bởi các thiết bị điện tử như máy tính, điện thoại di động, và các thiết bị điện tử khác, dữ liệu số có thể bao gồm văn bản, hình ảnh, âm thanh, và video. Điều này giúp dữ liệu số có thể được truyền tải, lưu trữ, và xử lý một cách hiệu quả và nhanh chóng hơn so với dữ liệu analog.

Dữ liệu số được giải thích tại Điều 3, Luật Giao dịch điện tử như sau: Dữ liệu số là dữ liệu điện tử được tạo lập bằng phương pháp dùng tín hiệu số và Dữ liệu là ký hiệu, chữ viết, chữ số, hình ảnh, âm thanh hoặc dạng tương tự khác. (Quốc hội, 2023).

Nghị định số 47/2020/NĐ-CP giải thích dữ liệu số: Dữ liệu số là dữ liệu dưới dạng ký hiệu, chữ viết, chữ số, hình ảnh, âm thanh hoặc dạng tương tự được biểu diễn bằng tín hiệu số. Dữ liệu số mang thông tin số và được chia sẻ dưới dạng thông điệp dữ liệu (Chính phủ, 2020).

Điều 3, Luật Dữ liệu giải thích: Dữ liệu số là dữ liệu về sự vật, hiện tượng, sự kiện, bao gồm một hoặc kết hợp các dạng âm thanh, hình ảnh, chữ số, chữ viết, ký hiệu được thể hiện dưới dạng kỹ thuật số (Quốc hội, 2024).

Từ các giải thích về dữ liệu số trong các văn bản pháp luật cho thấy, dữ liệu số có một số đặc điểm:

*Dữ liệu số là thông tin được biểu diễn bằng tín hiệu số:* Đây là đặc điểm nền tảng nhất, phân biệt dữ liệu số với các dạng thông tin truyền thống. Tín hiệu số là chuỗi giá trị rời rạc, thường ở dạng nhị phân (0 và 1), giúp dữ liệu có thể được xử lý, lưu trữ và truyền dẫn bởi máy tính và các thiết bị điện tử.

*Dữ liệu số được tạo lập, lưu trữ và xử lý bằng các thiết bị điện tử:* Bao gồm máy tính, điện thoại thông minh, máy chủ, hệ thống lưu trữ đám mây, cảm biến, thiết bị kỹ thuật số... Dữ liệu số không tồn tại độc lập mà luôn gắn với công nghệ.

*Dữ liệu số có thể mang nhiều dạng:* văn bản, âm thanh, hình ảnh, video, số liệu: Khác với tài liệu truyền thống, dữ liệu số có cấu trúc linh hoạt, biểu hiện đa phương tiện, dễ tích hợp vào hệ thống xử lý thông minh hoặc big data.

*Có khả năng truyền dẫn nhanh chóng và hiệu quả:* Nhờ đặc tính nén, mã hóa và truyền qua các hạ tầng mạng, dữ liệu số được chia sẻ và đồng bộ dễ dàng giữa các hệ thống, tổ chức.

*Dễ dàng sao chép mà không bị suy giảm chất lượng:* Khác với dữ liệu vật lý, dữ liệu số có thể nhân bản không giới hạn mà vẫn giữ nguyên nội dung và cấu trúc ban đầu.

*Dễ thao tác, chỉnh sửa và xử lý bằng phần mềm:* Các phần mềm quản trị, chỉnh sửa, phân tích có thể can thiệp vào dữ liệu số một cách nhanh chóng và hiệu quả.

Từ những đặc điểm nổi bật về dữ liệu số được phân tích ở trên giúp dữ liệu số trở nên phổ biến và hiệu quả trong việc lưu trữ và xử lý thông tin trong kỷ nguyên số hiện nay.

### **3.2. Giá trị và tính pháp lý của dữ liệu số**

Trong tiến trình chuyển đổi số, dữ liệu số không chỉ đóng vai trò là nguồn tài nguyên chiến lược mà còn có ý nghĩa pháp lý quan trọng trong các hoạt động quản lý, điều hành và giao dịch của các cơ quan, tổ chức. Pháp luật Việt Nam đã xác lập rõ giá trị pháp lý của dữ liệu số thông qua các quy định cụ thể trong các đạo luật và văn bản dưới luật.

Theo Điều 11 Luật Dữ liệu năm 2024, dữ liệu gốc được tạo lập bằng phương thức điện tử có giá trị sử dụng tương đương với bản chính của các loại giấy tờ, tài liệu và các dạng vật chất khác đã được số hóa. Đồng thời, dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia cũng được công nhận có giá trị khai thác và sử dụng tương đương với dữ liệu gốc (Quốc hội, 2024). Quy định này khẳng định rằng dữ liệu số có giá trị pháp lý tương đương với tài liệu truyền thống và có thể thay thế hợp pháp cho các dạng tài liệu giấy trong nhiều hoạt động của nhà nước và xã hội.

Điều 9 Luật Giao dịch điện tử năm 2023 quy định rõ rằng thông điệp dữ liệu có thể được sử dụng làm chứng cứ trong các thủ tục tố tụng hoặc giao dịch, với giá trị pháp lý được xác định dựa trên độ tin cậy của quy trình tạo lập, gửi, nhận, lưu trữ, bảo đảm tính toàn vẹn và xác minh được chủ thể của thông điệp dữ liệu (Quốc hội, 2023). Dữ liệu số không chỉ có giá trị sử dụng mà còn có thể làm chứng cứ pháp lý trong các giao dịch và tranh chấp, tương đương với tài liệu giấy.

Điều 40 của Luật Giao dịch điện tử quy định rằng dữ liệu chủ trong các cơ sở dữ liệu quốc gia có giá trị chính thức, được sử dụng như văn bản giấy do cơ quan có thẩm quyền cung cấp, trừ khi có quy định khác. Dữ liệu này còn được chia sẻ với các bộ, ngành, địa phương để phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, cải cách hành chính và hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội (Quốc hội, 2023). Đây là minh chứng rõ ràng cho thấy dữ liệu số giữ vai trò trung tâm trong hệ thống hành chính hiện đại, là công cụ thúc đẩy hiệu quả quản lý nhà nước, đồng thời bảo đảm tính minh bạch và liên thông trong xử lý thông tin công.

Từ các quy định trên, có thể khẳng định rằng pháp luật Việt Nam đã công nhận dữ liệu số là một thành phần có giá trị pháp lý độc lập, có thể sử dụng như chứng cứ pháp lý và thay thế cho tài liệu vật lý trong nhiều trường hợp. Việc công nhận này tạo điều kiện pháp lý thuận lợi cho việc ứng dụng công nghệ số trong các hoạt động hành chính, giao dịch điện tử và quản trị thông tin công. Đồng thời, đây cũng là nền tảng quan trọng để thúc đẩy cải cách thủ tục hành chính, phát triển chính phủ số và xây dựng một hệ sinh thái dữ liệu số minh bạch, tin cậy và hiệu quả.

### **3.3. Nguyên tắc, yêu cầu và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức về việc quản lý, sử dụng dữ liệu số**

Trong bối cảnh phát triển chính phủ số, việc quản lý và sử dụng dữ liệu số phải tuân thủ các nguyên tắc chặt chẽ, đảm bảo tính hợp pháp, đồng bộ và hiệu quả trong hệ thống thông tin của các cơ quan, tổ chức. Các nguyên tắc này được quy định rõ trong Luật Dữ liệu và các văn bản dưới luật, nhằm tạo nền tảng cho việc khai thác, chia sẻ và bảo vệ dữ liệu một cách thống nhất.

Một trong những nguyên tắc cốt lõi là bảo đảm tính thống nhất và chính xác của dữ liệu thông qua việc sử dụng đồng bộ các bảng mã danh mục dùng chung, thống nhất

với dữ liệu chủ trong cơ sở dữ liệu quốc gia (Quốc hội, 2024, Điều 11). Bên cạnh đó, nguyên tắc không trùng lặp dữ liệu được quy định nhằm tránh việc thu thập lại dữ liệu đã có sẵn trong các hệ thống đã kết nối, qua đó góp phần tối ưu hóa nguồn lực và tăng cường hiệu quả quản trị thông tin.

Việc tạo lập dữ liệu phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy trình và phương thức được pháp luật cho phép. Cụ thể, dữ liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước, thực hiện thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công phải được số hóa theo các phương thức như: từ kết quả giải quyết thủ tục hành chính; số hóa từ giấy tờ, tài liệu vật lý; thu thập qua các phương thức điện tử hoặc từ các tổ chức, cá nhân cung cấp (Quốc hội, 2024, Điều 11).

Đối với các cơ sở dữ liệu trong cơ quan nhà nước, việc tạo lập thông tin phải đảm bảo sử dụng thống nhất các tiêu chuẩn kỹ thuật và danh mục mã dùng chung do cơ quan có thẩm quyền ban hành. Điều này được quy định tại Điều 9 Nghị định số 47/2020/NĐ-CP, nhằm đồng bộ dữ liệu trong nội bộ và giữa các cơ quan, qua đó nâng cao khả năng liên thông và chia sẻ thông tin hiệu quả (Chính phủ, 2020).

Yêu cầu về quản lý nhà nước đối với dữ liệu số còn bao gồm nghĩa vụ tổ chức, lưu trữ và chia sẻ dữ liệu trong nội bộ và với bên ngoài, đảm bảo cho việc kết nối và khai thác dữ liệu liên thông giữa các đơn vị. Điều này thể hiện rõ trong quy định tại Điều 9 Nghị định số 47/2020/NĐ-CP (Chính phủ, 2020).

Bên cạnh nguyên tắc, các tổ chức và cá nhân khai thác, sử dụng dữ liệu số cũng phải thực hiện đầy đủ các trách nhiệm pháp lý. Cụ thể, theo quy định của Nghị định số 47/2020/NĐ-CP, người sử dụng dữ liệu có nghĩa vụ tuân thủ quy chế chia sẻ, sử dụng dữ liệu; chỉ khai thác trong phạm vi được phép; thông báo kịp thời sai sót của dữ liệu cho cơ quan cung cấp và phối hợp giải quyết các vướng mắc trong quá trình sử dụng (Chính phủ, 2020).

Trách nhiệm tổ chức quản lý dữ liệu số cũng được quy định chặt chẽ trong Luật Dữ liệu. Theo đó, các cơ quan nhà nước có nghĩa vụ hướng dẫn, triển khai đồng bộ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bảo đảm chất lượng dữ liệu; thực hiện kiểm tra, giám sát, cập nhật thường xuyên và khắc phục sai sót để bảo đảm dữ liệu chính xác, đầy đủ và sẵn sàng khai thác (Quốc hội, 2024, Điều 12).

Đối với cơ sở hạ tầng lưu trữ dữ liệu, pháp luật quy định dữ liệu trong cơ sở dữ liệu quốc gia phải được lưu trữ tại Trung tâm dữ liệu quốc gia. Các cơ sở dữ liệu chuyên ngành và cơ sở dữ liệu khác có thể được lưu trữ tại cơ sở hạ tầng của các tổ chức khác, nếu đáp ứng được các tiêu chuẩn về trung tâm dữ liệu. Riêng đối với dữ liệu thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh, đối ngoại và cơ yếu, việc lưu trữ phải được thực hiện tại hạ tầng dữ liệu quốc gia với sự đồng ý của chủ sở hữu dữ liệu (Quốc hội, 2024, Điều 14). Quy định này đảm bảo tính tập trung, an toàn và linh hoạt trong việc triển khai hạ tầng lưu trữ.

Bên cạnh đó, Bộ Thông tin và Truyền thông được xác định là cơ quan đầu mối trong quản lý nhà nước về dữ liệu số. Bộ này có vai trò chủ trì xây dựng chiến lược dữ liệu quốc gia, ban hành hướng dẫn về quản trị, chia sẻ và khai thác dữ liệu số, đồng thời giám sát việc triển khai trong toàn hệ thống nhằm đảm bảo tính nhất quán, hiệu quả và bảo mật (Quốc hội, 2024).

#### **3.4. Tạo lập, thu thập, phân loại dữ liệu số**

Trong tiến trình xây dựng chính phủ số, hoạt động tạo lập, thu thập và phân loại dữ liệu số giữ vai trò đặc biệt quan trọng, bởi đây là nền tảng ban đầu quyết định chất lượng, hiệu quả của toàn bộ chu trình quản lý và khai thác dữ liệu trong các cơ quan nhà

nước. Việc đảm bảo cho các dữ liệu số được tạo lập đúng chuẩn, được thu thập đầy đủ và phân loại hợp lý là điều kiện tiên quyết để hình thành hệ thống cơ sở dữ liệu đồng bộ, liên thông và có khả năng phục vụ cho quá trình ra quyết định hành chính, phát triển kinh tế - xã hội.

Theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 47/2020/NĐ-CP, quản lý dữ liệu số bao gồm các nội dung cơ bản như việc thu thập và tạo lập dữ liệu để hình thành các cơ sở dữ liệu; duy trì, cập nhật và xử lý các thay đổi của dữ liệu; tổ chức việc chia sẻ dữ liệu; cũng như khai thác, sử dụng dữ liệu do cơ quan mình quản lý hoặc dữ liệu được chia sẻ từ các cơ quan nhà nước khác (Chính phủ, 2020). Các hoạt động này không chỉ định hình phương thức quản lý dữ liệu trong nội bộ cơ quan, mà còn mở rộng phạm vi hợp tác, chia sẻ thông tin giữa các đơn vị, hướng đến mục tiêu nâng cao hiệu suất quản lý, minh bạch hóa thông tin và tối ưu hóa hoạt động công vụ.

Cùng với quá trình tạo lập và thu thập, hoạt động phân loại dữ liệu số cũng được coi là một bước quan trọng nhằm tổ chức dữ liệu một cách khoa học, từ đó giúp nâng cao hiệu quả trong việc xử lý, bảo vệ và khai thác. Luật Dữ liệu năm 2024 tại Điều 13 quy định rằng, dữ liệu số có thể được phân loại dựa trên nhiều phương diện khác nhau tùy theo mục đích quản lý và yêu cầu sử dụng. Việc phân loại có thể căn cứ vào tính chất chia sẻ, chẳng hạn như phân biệt giữa dữ liệu dùng chung, dữ liệu dùng riêng và dữ liệu mở. Ngoài ra, mức độ quan trọng của dữ liệu cũng là một tiêu chí phổ biến, cho phép xác định dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng và các loại dữ liệu khác. Bên cạnh đó, tùy theo đặc thù của từng cơ quan, tổ chức, các tiêu chí bổ sung khác cũng có thể được áp dụng để đảm bảo tính linh hoạt và phù hợp trong quá trình quản trị dữ liệu (Quốc hội, 2024).

Thực tiễn cho thấy, việc tổ chức hợp lý quá trình phân loại dữ liệu không chỉ góp phần nâng cao chất lượng quản trị thông tin mà còn tạo điều kiện thuận lợi trong công tác lưu trữ, bảo mật và khai thác. Khi dữ liệu được phân nhóm rõ ràng theo từng đặc điểm cụ thể, các cơ quan, tổ chức có thể xác định được mức độ bảo vệ phù hợp, áp dụng chính sách truy cập hiệu quả và thiết kế các hệ thống xử lý thông tin tương ứng. Điều này đặc biệt quan trọng trong bối cảnh dữ liệu ngày càng có giá trị như một tài nguyên chiến lược, đồng thời cũng đối mặt với nhiều thách thức về an toàn thông tin và quyền riêng tư.

Tóm lại, tạo lập, thu thập và phân loại dữ liệu số là chuỗi hoạt động có tính nền tảng trong toàn bộ hệ thống quản lý dữ liệu của chính phủ số. Việc thực hiện các hoạt động này một cách khoa học, đúng pháp luật không chỉ bảo đảm cho sự vận hành thông suốt của các hệ thống thông tin mà còn đóng vai trò thiết yếu trong việc thúc đẩy quá trình chuyển đổi số quốc gia theo hướng hiệu quả, bền vững và minh bạch.

### **3.5. Hoạt động lưu trữ và bảo vệ dữ liệu số**

Trong bối cảnh phát triển chính phủ số, hoạt động lưu trữ và bảo vệ dữ liệu số giữ vai trò then chốt nhằm bảo đảm an toàn, toàn vẹn và khả năng khai thác bền vững thông tin trong môi trường số. Theo quy định tại Điều 36 Luật Lưu trữ năm 2024, hoạt động lưu trữ dữ liệu số bao gồm các nội dung như thu nộp, bảo quản và loại hủy dữ liệu.

Cụ thể, tài liệu lưu trữ số được thu nộp thông qua quy trình điện tử đảm bảo an toàn, bao gồm kiểm tra xác thực và truyền nhận theo tiêu chuẩn, cấu trúc dữ liệu hồ sơ, tài liệu lưu trữ. Tài liệu này phải đáp ứng yêu cầu về cấu trúc, tính toàn vẹn, thống nhất, xác thực và khả năng truy cập lâu dài. Ngoài ra, chúng cần được bảo quản theo phương pháp chuyên môn riêng biệt, được chuyển đổi định dạng phù hợp với sự phát triển công nghệ và tuân thủ các yêu cầu pháp luật về an toàn thông tin mạng.

Về thời hạn lưu trữ, dữ liệu chủ đi kèm với tài liệu lưu trữ số được áp dụng cùng thời hạn lưu trữ như tài liệu đó. Các tài liệu lưu trữ số được sắp xếp và bảo quản trong kho lưu trữ số dưới hình thức hồ sơ hoặc đơn vị tài liệu cụ thể.

Hoạt động bảo vệ dữ liệu số được quy định tại Điều 27 Luật Dữ liệu năm 2024, theo đó các biện pháp bảo vệ phải được triển khai xuyên suốt toàn bộ quá trình xử lý dữ liệu. Các cơ quan nhà nước cần xây dựng và thực thi chính sách, quy định bảo vệ dữ liệu; kiểm soát hoạt động xử lý dữ liệu; triển khai các giải pháp kỹ thuật và đảm bảo tuân thủ các chính sách an ninh, quốc phòng. Đồng thời, phải thiết lập hệ thống giám sát, đánh giá rủi ro và cảnh báo sớm về an ninh dữ liệu. Các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm quản lý dữ liệu cốt lõi và dữ liệu quan trọng phải tuân thủ nghiêm các quy định về bảo vệ dữ liệu theo luật định.

Việc tiêu hủy dữ liệu số là một nội dung bắt buộc trong nghiệp vụ lưu trữ. Luật Lưu trữ năm 2024 quy định, dữ liệu lưu trữ số hết giá trị phải được loại hủy khi không còn liên kết với tài liệu lưu trữ số khác có thời hạn lưu trữ dài hơn trong cùng hệ thống. Việc hủy phải được thực hiện toàn diện, bao gồm cả dữ liệu chủ và tài liệu giấy đã được số hóa.

Về khai thác và sử dụng dữ liệu, Nghị định 47/2020/NĐ-CP (Điều 23) quy định việc sử dụng dữ liệu phải tuân theo đúng mục đích, đồng thời cho phép cá nhân, tổ chức đề nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết các vướng mắc nếu việc chia sẻ dữ liệu ảnh hưởng đến quyền khai thác chính đáng.

Luật Dữ liệu năm 2024 (Điều 35) quy định rõ các phương thức khai thác và chia sẻ dữ liệu, bao gồm: kết nối giữa các cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành và hệ thống thông tin với cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia; chia sẻ thông qua các công dữ liệu quốc gia, cổng dịch vụ công, nền tảng định danh điện tử và các phương tiện, phần mềm do Trung tâm Dữ liệu Quốc gia cung cấp.

Như vậy, hoạt động lưu trữ và bảo vệ dữ liệu số được xây dựng trên nguyên tắc tập trung, thống nhất nhưng vẫn đảm bảo tính linh hoạt trong vận hành, phù hợp với yêu cầu bảo mật và tiến bộ công nghệ. Bên cạnh đó, cơ chế khai thác và sử dụng dữ liệu số được quy định rõ ràng, nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, đồng thời bảo đảm quyền lợi và nghĩa vụ pháp lý của các tổ chức, cá nhân trong quá trình sử dụng dữ liệu số trong môi trường chính phủ số.

### **3.6. Kết nối, công khai, chia sẻ và sử dụng dữ liệu số**

Việc kết nối, chia sẻ và sử dụng dữ liệu số đóng vai trò thiết yếu trong tiến trình xây dựng chính phủ số, khi mà thông tin trở thành tài nguyên chiến lược, hỗ trợ cho công tác quản lý, ra quyết định và cung cấp dịch vụ công. Pháp luật hiện hành đã đặt nền tảng pháp lý cho hoạt động kết nối và khai thác dữ liệu giữa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các cơ quan nhà nước, với mục tiêu tối ưu hóa hiệu quả vận hành và bảo đảm sự liên thông, đồng bộ trong toàn hệ thống.

Cụ thể, Điều 35 của Luật Dữ liệu (Quốc hội, 2024) quy định rõ các phương thức khai thác và sử dụng dữ liệu số, bao gồm: kết nối và chia sẻ dữ liệu giữa các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, các hệ thống thông tin với Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia; thông qua Cổng dữ liệu quốc gia, Cổng dịch vụ công quốc gia, cổng thông tin điện tử, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; qua nền tảng định danh và xác thực điện tử, ứng dụng định danh quốc gia và bằng các thiết bị, phương tiện, phần mềm do Trung tâm dữ liệu quốc gia cung cấp.

Quy định này thể hiện quan điểm tiếp cận toàn diện và hiện đại trong việc tổ chức hạ tầng khai thác dữ liệu, qua đó mở rộng khả năng tiếp cận và sử dụng dữ liệu công một cách an toàn, thuận tiện và hiệu quả. Đồng thời, việc thiết lập các kênh truy cập và chia sẻ dữ liệu chính thức góp phần minh bạch hóa thông tin và tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân tham gia vào hệ sinh thái số của quốc gia.

Điều đáng chú ý là việc kết nối và chia sẻ dữ liệu không chỉ là hành vi kỹ thuật mà còn đi kèm với các trách nhiệm pháp lý nhất định. Theo quy định tại Điều 23 của Nghị định số 47/2020/NĐ-CP (Chính phủ, 2020), cá nhân và tổ chức khi khai thác, sử dụng dữ liệu phải tuân thủ mục đích sử dụng phù hợp, đồng thời có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết khi phát sinh vướng mắc ảnh hưởng đến quyền truy cập và sử dụng dữ liệu đã được chia sẻ.

Ngoài ra, pháp luật cũng quy định rõ trách nhiệm của bên sử dụng dữ liệu trong việc tuân thủ phạm vi được cấp phép, phản hồi kịp thời về các sai sót của dữ liệu và hợp tác với cơ quan cung cấp dữ liệu để giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác và sử dụng. Những yêu cầu này nhằm bảo đảm dữ liệu được sử dụng đúng mục đích, đúng quyền hạn và duy trì được tính toàn vẹn, an toàn thông tin trong suốt vòng đời khai thác dữ liệu.

Như vậy, chính sách pháp lý về kết nối, công khai, chia sẻ và sử dụng dữ liệu số đã thể hiện sự dịch chuyển từ mô hình quản lý dữ liệu phân tán, độc lập sang mô hình tích hợp, liên thông, phục vụ hiệu quả cho mục tiêu phát triển chính phủ số, cải cách hành chính và cung cấp dịch vụ công trực tuyến chất lượng cao. Việc triển khai đầy đủ và hiệu quả các quy định này là yếu tố then chốt để thúc đẩy sự hình thành và vận hành của hệ sinh thái dữ liệu số quốc gia.

## **4. Một số trao đổi nhận xét về tổ chức, quản lý và sử dụng dữ liệu số**

### ***4.1. Quy định về tạo lập, quản lý và sử dụng dữ liệu số***

Việc tạo lập, quản lý và sử dụng dữ liệu số tại Việt Nam hiện nay được điều chỉnh bởi một hệ thống quy định pháp luật ngày càng hoàn thiện, nhằm đáp ứng yêu cầu quản trị thông tin trong bối cảnh chuyển đổi số. Các quy định này thể hiện rõ vai trò của dữ liệu số như một tài sản quan trọng trong quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ công.

Trước hết, quy trình tạo lập dữ liệu số phải đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc pháp lý nhất định nhằm đảm bảo tính hợp pháp, thống nhất và khả năng tích hợp vào các hệ thống dữ liệu quốc gia. Luật Dữ liệu (2024) quy định việc sử dụng thống nhất các bảng mã danh mục dùng chung, đảm bảo đồng bộ với dữ liệu chủ trong cơ sở dữ liệu quốc gia (Điều 11). Điều này góp phần tránh trùng lặp, lãng phí tài nguyên dữ liệu, đồng thời nâng cao hiệu quả trong chia sẻ và khai thác thông tin. Bên cạnh đó, dữ liệu phục vụ quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ công phải được tạo lập hoặc số hóa từ nhiều nguồn: từ kết quả giải quyết thủ tục hành chính, từ việc số hóa tài liệu, từ phương thức điện tử hoặc thu thập trực tiếp từ tổ chức, cá nhân.

Về quản lý dữ liệu trong các cơ quan nhà nước, Nghị định số 47/2020/NĐ-CP yêu cầu các cơ sở dữ liệu phải sử dụng bảng mã danh mục thống nhất, do cơ quan có thẩm quyền ban hành (Điều 9). Đây là một biện pháp quan trọng nhằm đảm bảo tính tương thích và liên thông giữa các hệ thống dữ liệu, đồng thời tạo thuận lợi cho công tác lưu trữ và chia sẻ thông tin trong nội bộ cũng như giữa các đơn vị hành chính.

Đối với việc lưu trữ dữ liệu, các cơ quan nhà nước phải bố trí hệ thống lưu trữ có khả năng phục vụ tốt cho quá trình chia sẻ dữ liệu với các đơn vị bên ngoài. Dữ liệu số được lưu trữ cần đảm bảo tính toàn vẹn, bảo mật và khả năng truy cập dài hạn. Điều này phù hợp với yêu cầu của Chính phủ về đảm bảo an toàn thông tin và tăng cường hiệu quả trong quản lý dữ liệu số trên quy mô quốc gia.

Trách nhiệm trong quá trình khai thác và sử dụng dữ liệu số cũng được quy định rõ ràng. Theo Nghị định 47/2020/NĐ-CP, các tổ chức, cá nhân khi sử dụng dữ liệu phải tuân thủ đúng phạm vi cho phép, thông báo kịp thời khi phát hiện sai sót trong dữ liệu và phối hợp với cơ quan cung cấp dữ liệu để xử lý các vướng mắc (Điều 23). Những quy định này nhằm tăng cường trách nhiệm giải trình, minh bạch hóa hoạt động sử dụng dữ liệu, đồng thời bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người sử dụng.

Đối với cơ quan quản lý dữ liệu, Luật Dữ liệu (2024) quy định trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong việc áp dụng tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia, kiểm tra chất lượng dữ liệu, cập nhật thường xuyên và đảm bảo tính đồng bộ, chính xác của dữ liệu trong khai thác và sử dụng (Điều 12). Ngoài ra, các cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành và địa phương phải được lưu trữ trên hạ tầng của Trung tâm dữ liệu quốc gia hoặc hệ thống hạ tầng đạt chuẩn, tùy theo mức độ đặc thù và yêu cầu bảo mật của từng loại dữ liệu (Điều 14).

Đặc biệt, Bộ Thông tin và Truyền thông được giao trách nhiệm chủ trì trong việc xây dựng chiến lược dữ liệu quốc gia, ban hành hướng dẫn, tổ chức giám sát việc thực hiện quản trị dữ liệu và bảo đảm an toàn thông tin. Điều này thể hiện vai trò trung tâm của Bộ trong điều phối các hoạt động liên quan đến dữ liệu số trên phạm vi toàn quốc, đảm bảo sự nhất quán và hiệu quả trong quá trình chuyển đổi số của bộ máy hành chính nhà nước.

Như vậy, hệ thống quy định pháp lý hiện hành không chỉ tạo hành lang pháp lý vững chắc cho hoạt động tạo lập, quản lý và sử dụng dữ liệu số, mà còn đặt ra các tiêu chuẩn, yêu cầu và trách nhiệm cụ thể đối với từng chủ thể liên quan. Việc thực thi hiệu quả các quy định này có ý nghĩa quan trọng trong việc thúc đẩy xây dựng chính phủ số, bảo đảm an toàn dữ liệu và phát huy tối đa giá trị của dữ liệu trong quản lý và phát triển kinh tế - xã hội.

#### ***4.2. Một số trao đổi đối với quy định về tạo lập, quản lý và sử dụng dữ liệu số***

##### ***Thứ nhất, về khái niệm và nội hàm của “dữ liệu số”***

Hiện nay, khái niệm "dữ liệu số" được quy định trong nhiều văn bản pháp luật khác nhau, tuy nhiên vẫn còn thiếu sự nhất quán về cách tiếp cận. Theo Điều 3 của Luật Giao dịch điện tử (2023), dữ liệu số được hiểu là “dữ liệu điện tử được tạo lập bằng phương pháp dùng tín hiệu số”, nhấn mạnh đặc tính kỹ thuật của việc tạo lập dữ liệu thông qua tín hiệu số. Trong khi đó, Nghị định số 47/2020/NĐ-CP lại đưa ra một cách định nghĩa bao quát hơn, coi dữ liệu số là “dữ liệu dưới dạng ký hiệu, chữ viết, chữ số, hình ảnh, âm thanh hoặc dạng tương tự được biểu diễn bằng tín hiệu số và có thể chia sẻ dưới dạng thông điệp dữ liệu” (Điều 3). Cách tiếp cận này bao gồm cả hình thức biểu đạt thông tin và khả năng chia sẻ dữ liệu.

Sự khác biệt giữa các định nghĩa dẫn đến nguy cơ sử dụng không nhất quán thuật ngữ “dữ liệu số” giữa các cơ quan, tổ chức và trong quá trình thực thi pháp luật. Đáng chú ý, Luật Tố tụng hình sự (2015) tại Điều 99 cũng sử dụng khái niệm “dữ liệu điện tử” với nội hàm tương tự, làm mờ đi ranh giới giữa hai khái niệm này. Cụ thể, dữ liệu điện

từ được định nghĩa là “tập hợp các ký hiệu, chữ viết, chữ số, hình ảnh, âm thanh hoặc dạng tương tự được tạo ra, lưu trữ, truyền đi hoặc nhận được bởi phương tiện điện tử”, điều này dẫn đến việc khó phân biệt dữ liệu điện tử với dữ liệu số, trong khi dữ liệu số thực chất có thể được xem là một dạng cụ thể của dữ liệu điện tử.

Sự không đồng bộ trong cách định nghĩa và áp dụng các khái niệm nêu trên gây khó khăn trong công tác lưu trữ, đặc biệt là trong phân loại, bảo quản và xác định giá trị pháp lý của dữ liệu. Do đó, cần thiết phải thống nhất cách hiểu về dữ liệu số trong hệ thống pháp luật thông qua việc sửa đổi, bổ sung các văn bản hiện hành hoặc ban hành văn bản hướng dẫn chung, góp phần đảm bảo tính nhất quán trong quản lý, lưu trữ và sử dụng dữ liệu số.

### ***Thứ hai, về nguyên tắc, yêu cầu và trách nhiệm trong quản lý dữ liệu số***

Hoạt động quản lý dữ liệu số không chỉ là một nhiệm vụ kỹ thuật mà còn đòi hỏi sự phân công rõ ràng trách nhiệm giữa các cá nhân và bộ phận trong tổ chức. Nghị định số 47/2020/NĐ-CP quy định rằng các cơ quan nhà nước phải “chỉ định một cán bộ làm đầu mối phụ trách kết nối và chia sẻ dữ liệu; công khai số điện thoại, địa chỉ thư điện tử, tên và vị trí, chức năng của cán bộ đầu mối phụ trách” (Điều 7). Tuy nhiên, việc chỉ định một cá nhân cụ thể để quản lý dữ liệu trong một hệ thống phức tạp và đa chiều như dữ liệu số có thể chưa phù hợp.

Thực tiễn cho thấy việc quản lý dữ liệu số hiệu quả cần có sự tham gia của nhiều cấp độ và nhiều bộ phận: người đứng đầu cơ quan phải chịu trách nhiệm chung về chính sách dữ liệu, bộ phận công nghệ thông tin đảm bảo hạ tầng kỹ thuật và an toàn bảo mật, còn bộ phận lưu trữ thực hiện nghiệp vụ bảo quản, sử dụng và tiêu hủy dữ liệu. Do đó, cần có một cơ chế phối hợp liên ngành và nội bộ rõ ràng để tránh việc “khoán trắng” trách nhiệm cho một cá nhân duy nhất.

Bên cạnh đó, theo Điều 27 Luật Dữ liệu (2024), các cơ quan nhà nước có trách nhiệm “bảo vệ dữ liệu trong ngành, lĩnh vực do mình quản lý, tuân thủ các chính sách chung về quốc phòng, an ninh”. Điều này cho thấy quản lý dữ liệu không chỉ là khai thác và sử dụng mà còn bao gồm bảo vệ dữ liệu khỏi các nguy cơ an ninh, lạm dụng hoặc truy cập trái phép. Vì vậy, việc phân định rõ trách nhiệm và thiết lập hệ thống quản lý dữ liệu số có sự phân cấp, kiểm tra và giám sát chặt chẽ là yêu cầu cấp thiết.

### ***Thứ ba, về quy định nghiệp vụ lưu trữ dữ liệu số***

Hiện nay, nghiệp vụ lưu trữ dữ liệu số chủ yếu được điều chỉnh bởi Luật Lưu trữ năm 2024. Điều 36 của luật này quy định các hoạt động như thu nộp, bảo quản, sử dụng và tiêu hủy tài liệu lưu trữ số. Tuy nhiên, quy định này mới chỉ áp dụng cho tài liệu lưu trữ dưới dạng số, trong khi dữ liệu số – với đặc tính biến động và thường xuyên thay đổi – lại chưa được điều chỉnh một cách toàn diện bằng các quy trình lưu trữ đặc thù.

Một vấn đề đáng lưu ý là quy định về thời hạn lưu trữ vẫn chưa thống nhất. Theo Điều 13 Luật Lưu trữ, “trường hợp luật khác có quy định khác về thời hạn lưu trữ và trách nhiệm quản lý tài liệu lưu trữ thì thực hiện theo quy định của luật đó”. Điều này dẫn đến tình trạng các loại dữ liệu số khác nhau phải tuân theo các mốc thời gian khác nhau tùy thuộc vào lĩnh vực và cơ quan quản lý. Ví dụ, dữ liệu hành chính có thể có thời hạn lưu trữ khác với dữ liệu giao dịch điện tử hoặc dữ liệu nghiên cứu khoa học.

Vì vậy, cần xây dựng một khung quy định riêng về nghiệp vụ lưu trữ dữ liệu số, bao gồm: quy trình phân loại, xác định giá trị, thời hạn lưu trữ, tiêu hủy và chuyển đổi định dạng dữ liệu. Đồng thời, cần quy định rõ tiêu chuẩn kỹ thuật và nghiệp vụ lưu trữ

phù hợp với đặc thù của dữ liệu số, nhằm đảm bảo dữ liệu được bảo quản an toàn, có thể truy cập lâu dài và đáp ứng các yêu cầu về xác thực, toàn vẹn và khả năng khai thác hiệu quả.

## 5. Kết luận

Sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ số đang tạo ra một khối lượng dữ liệu khổng lồ, làm thay đổi căn bản phương thức quản lý, lưu trữ và khai thác thông tin. Trong bối cảnh đó, dữ liệu số không chỉ được xem là một loại tài nguyên thiết yếu thúc đẩy kinh tế số và xã hội số, mà còn đóng vai trò nền tảng trong việc nâng cao hiệu quả quản trị nhà nước, cải cách hành chính, cũng như bảo đảm an ninh thông tin quốc gia. Do vậy, việc xây dựng và hoàn thiện chính sách pháp luật về quản lý và lưu trữ dữ liệu số là một yêu cầu cấp bách và thiết yếu.

Bài viết đã tiến hành hệ thống hóa các quy định pháp luật hiện hành liên quan đến dữ liệu số ở Việt Nam, từ khái niệm, đặc điểm kỹ thuật đến các nguyên tắc trong quản lý, lưu trữ và khai thác. Khung pháp lý bước đầu đã hình thành nền tảng cho hoạt động quản trị dữ liệu trong khu vực công và khu vực tư nhân. Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại những bất cập, như sự thiếu thống nhất trong định nghĩa dữ liệu số giữa các văn bản pháp luật, chưa rõ ràng trong phân công trách nhiệm giữa các cấp, ngành và tổ chức; các quy định nghiệp vụ lưu trữ chưa đủ cụ thể để điều chỉnh đầy đủ các đặc thù của dữ liệu số.

Trong bối cảnh chuyển đổi số đang được triển khai mạnh mẽ, chính sách về dữ liệu số không chỉ cần hướng đến mục tiêu cải cách hành chính mà còn phải cân nhắc đến các khía cạnh liên quan đến quyền riêng tư, an ninh mạng và phát triển kinh tế số một cách bền vững. Do đó, việc tiếp tục rà soát, bổ sung và hoàn thiện hệ thống pháp luật về dữ liệu số là hết sức cần thiết. Cùng với đó, các hoạt động nghiên cứu, đánh giá thực tiễn thi hành và đề xuất giải pháp cải tiến cần được tăng cường nhằm bảo đảm việc quản lý, bảo vệ và khai thác dữ liệu số đạt hiệu quả thực chất.

Với vai trò là cơ sở đào tạo chuyên ngành lưu trữ học, chúng tôi đề xuất các cơ quan chức năng cần chủ động tổ chức các hội thảo, tọa đàm khoa học để đánh giá toàn diện thực trạng triển khai chính sách quản lý và lưu trữ dữ liệu số. Trên cơ sở đó, cần xây dựng và ban hành các văn bản pháp luật chuyên biệt, có tính khả thi cao, điều chỉnh cụ thể hoạt động lưu trữ dữ liệu số trong các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp và tổ chức xã hội. Những định hướng này sẽ góp phần quan trọng vào việc hiện thực hóa mục tiêu phát triển Chính phủ số, doanh nghiệp số, xã hội số và công dân số tại Việt Nam trong thời gian tới.

*Nghiên cứu được tài trợ bởi Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHQG-HCM) trong khuôn khổ Đề tài mã số B2025-18b-05*

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Chính phủ (2020). *Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 về việc quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước*. <https://vanban.chinhphu.vn/?docid=199754&pageid=27160>
- [2] Cục Văn thư Lưu trữ Nhà nước (2023). *Công văn số 903/VTLTNN-QLII ngày 21/8/2023 hướng dẫn hoạt động thu thập và nộp lưu hồ sơ, tài liệu lưu trữ điện tử vào Lưu trữ lịch sử*. <https://thuvienphapluat.vn/cong-van/Cong-nghe-thong-tin/Cong-van-903-VTLTNN-QLII-2023-thu-thap-ho-so-tai-lieu-luu-tru-dien-tu-vao-Luu-tru-lich-su-580481.aspx>

- [3] Open Knowledge Foundation (2015). *Open data handbook* (2nd ed.). Open Knowledge Foundation. Truy xuất từ <https://opendatahandbook.org> (What is Open Data?)
- [4] Phạm Anh Tuấn (2020). *Chuyển đổi số* (Dịch). NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
- [5] Quốc hội (2006). *Luật Công nghệ thông tin*. Luật số 67/2006/QH11, ngày 29/6/2006. <http://vanban.chinhphu.vn/>
- [6] Quốc hội (2015). *Luật Tổ tụng hình sự*. Luật số 101/2015/QH13, ngày 27/11/2015. <http://vanban.chinhphu.vn/>
- [7] Quốc hội (2015). *Luật Tổ tụng hình sự*. Luật số: 101/2015/QH13, ngày 27 tháng 11 năm 2015. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Trach-nhiem-hinh-su/Bo-luat-to-tung-hinh-su-2015-296884.aspx>
- [8] Quốc hội (2023). *Luật Giao dịch điện tử*. Luật số 20/2023/QH15, ngày 22/6/2023. <http://vanban.chinhphu.vn/>
- [9] Quốc hội (2024). *Luật Dữ liệu*. Luật số 60/2024/QH15, ngày 30/11/2024. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Luat-Luu-tru-2024-545181.aspx>
- [10] Quốc hội (2024). *Luật Lưu trữ*. Luật số 33/2024/QH15, ngày 21/6/2024. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Luat-Luu-tru-2024-545181.aspx>
- [11] Trần Quang Sơn-Bùi Thị Huệ (2021). Dữ liệu mở trong chuyển đổi Chính phủ số tại Việt Nam. *Tạp chí Công Thương*. <https://tapchicongthuong.vn/du-lieu-mo-trong-chuyen-doi-chinh-phu-so-tai-viet-nam-78628.htm>
- [12] Viktor Mayer – Schonberger & Kenneth Cukier (Vũ Duy Mẫn dịch, 2023). *Dữ liệu lớn cuộc cách mạng sẽ làm thay đổi cách chúng ta sống làm việc và tư duy*. NXB Trẻ.